

Số: 3100 /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2026

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê; Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 130/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2837/QĐ-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2026.

Điều 2. Giao Cục Thống kê thiết kế mẫu và phiếu điều tra; chỉ đạo tổ chức và hướng dẫn thực hiện cuộc điều tra theo đúng quy định của Phương án Tổng điều tra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Thống kê, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *hu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
- Các Thủ trưởng Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CTK_(10b) *hu*

KT. BỘ TRƯỞNG

TÀI THƯ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Ngọc
Nguyễn Thị Bích Ngọc

PHƯƠNG ÁN

Tổng điều tra kinh tế năm 2026

*(Kèm theo Quyết định số 3100/QĐ-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2025
của Bộ Tài chính)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU TỔNG ĐIỀU TRA

1. Mục đích

Tổng điều tra kinh tế năm 2026 (viết tắt là TĐT KT 2026) thu thập thông tin về các cơ sở kinh tế nhằm đáp ứng các mục đích chính sau:

Một là, đánh giá sự phát triển về số lượng, quy mô và lao động của các cơ sở kinh tế; kết quả sản xuất kinh doanh (viết tắt là SXKD); mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; cơ cấu, phân bố của các cơ sở và lao động theo địa phương, theo ngành kinh tế, theo loại hình kinh tế và theo hình thức sở hữu nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành và địa phương.

Hai là, phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê liên quan thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; nhất là chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP) và các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê khác có liên quan.

Ba là, cập nhật thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi năm gốc so sánh phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội; làm mẫu tổng thể về cơ sở kinh tế cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong giai đoạn tiếp theo của ngành Thống kê, các bộ, ngành và địa phương.

2. Yêu cầu

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố, lưu trữ dữ liệu và bảo mật thông tin phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định Luật Thống kê và của Phương án TĐT KT 2026.

- Thu thập, tổng hợp và công bố các số liệu có độ tin cậy cao, đầy đủ các nội dung điều tra theo Quyết định số 2837/QĐ-BTC ngày 18/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, bảo đảm tính kế thừa và so sánh với các kỳ tổng điều tra kinh tế trước đây, đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

- Bảo đảm tính khả thi về nội dung điều tra, đáp ứng yêu cầu biên soạn các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Luật Thống kê và một số Hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan.

- Bảo đảm thông tin điều tra đầy đủ, kịp thời, không trùng lặp, phù hợp với điều kiện thực tế, có thể kết nối với các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành và có tính khả thi theo hướng ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của TĐTKT 2026.

- Việc quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc TĐTKT 2026 bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

TĐTKT 2026 được thực hiện trên phạm vi cả nước đối với tất cả các đơn vị điều tra thuộc các loại hình kinh tế (trừ ngành O “Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc” và ngành U “Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế”) theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018), cụ thể:

- Ngành A: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (chỉ điều tra các doanh nghiệp và các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp);
- Ngành B: Khai khoáng;
- Ngành C: Công nghiệp chế biến, chế tạo;
- Ngành D: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí;
- Ngành E: Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải;
- Ngành F: Xây dựng;
- Ngành G: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Ngành H: Vận tải kho bãi;
- Ngành I: Dịch vụ lưu trú và ăn uống;
- Ngành J: Thông tin và truyền thông;
- Ngành K: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm;
- Ngành L: Hoạt động kinh doanh bất động sản;
- Ngành M: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ;
- Ngành N: Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ;
- Ngành P: Giáo dục và đào tạo;
- Ngành Q: Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội;
- Ngành R: Nghệ thuật, vui chơi và giải trí;

- Ngành S: Hoạt động dịch vụ khác;
- Ngành T: Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình.

2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra là đơn vị cơ sở hay còn được gọi là đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn thuộc: Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở SXKD trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; tổ hợp tác; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Đơn vị cơ sở thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- (1) Có địa điểm xác định trên lãnh thổ Việt Nam để trực tiếp thực hiện hoặc quản lý, điều hành các hoạt động kinh tế;
- (2) Có chủ thể sở hữu và người đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động, có lao động được trả lương/lao động thường xuyên;
- (3) Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ hoặc theo tập quán kinh doanh;
- (4) Chỉ đóng tại 1 địa bàn xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là xã) và chỉ tiến hành 1 hoạt động kinh tế thuộc ngành cấp 3.

Một đơn vị cơ sở đóng trên cùng một địa điểm nhưng thuộc địa bàn quản lý của từ 2 xã trở lên, quy ước theo diện tích lớn nhất của đơn vị cơ sở thuộc địa bàn xã nào thì đơn vị cơ sở được tính vào xã đó. Trường hợp, chưa xác định được theo diện tích, tiếp tục căn cứ vào địa điểm thực hiện công tác quản lý (hợp, phổ biến nghiệp vụ,...) để sắp xếp đơn vị cơ sở vào địa bàn xã phù hợp.

Đối tượng điều tra không bao gồm: (i) Cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập; (ii) cơ sở hoạt động thuộc lĩnh vực ngoại giao (đoàn ngoại giao, Đại sứ quán, Lãnh sự quán của nước ngoài); (iii) các tổ chức và cơ quan quốc tế; (iv) cơ sở sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của hộ.

3. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra được phân loại theo số lượng cơ sở và theo loại hình tổ chức.

a) Phân loại đơn vị điều tra theo số lượng cơ sở

- *Đơn vị điều tra đơn cơ sở* là đơn vị điều tra chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý. Trong trường hợp này, văn phòng quản lý đóng trên cùng địa bàn xã để phục vụ trực tiếp cho đơn vị cơ sở tạo ra sản phẩm đầu ra của đơn vị điều tra. Do đó, văn phòng quản lý không được xem xét

như một đơn vị cơ sở riêng biệt và xem như đơn vị điều tra chỉ có một đơn vị cơ sở duy nhất. Đơn vị điều tra đơn cơ sở được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất của nó.

- *Đơn vị điều tra đa cơ sở* là đơn vị điều tra có từ hai đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác với văn phòng quản lý. Ở đây, văn phòng quản lý được xác định là một đơn vị cơ sở và xếp vào ngành hoạt động của trụ sở văn phòng (trừ văn phòng quản lý của đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm được xếp vào cùng ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm). Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà đơn vị cơ sở đó sản xuất ra.

Đối với cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (viết tắt là NLTS), thường không có văn phòng quản lý. Do đó, đơn vị điều tra đa cơ sở SXKD cá thể phi NLTS là cơ sở có từ hai hoạt động SXKD trở lên.

b) Phân loại đơn vị điều tra theo loại hình tổ chức

(1) Tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (gọi chung là doanh nghiệp).

- *Tập đoàn, tổng công ty* gồm 64 tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn ngành (danh sách tại Phụ lục).

- *Doanh nghiệp* là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các luật chuyên ngành như: Luật Bảo hiểm, Luật Chứng khoán,...

- *Chi nhánh doanh nghiệp hạch toán độc lập* là đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có mã số thuế riêng (mã số thuế có 13 số); có con dấu riêng; tài khoản ngân hàng riêng; sử dụng hóa đơn và thực hiện báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn tại chi nhánh; trực tiếp kê khai thuế tại chi nhánh; có tổ chức bộ máy kế toán; tự lập và nộp Báo cáo tài chính tại chi nhánh.

- *Hợp tác xã* là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

- *Liên hiệp hợp tác xã* là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 03 hợp tác xã là thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất,

kinh doanh, tạo việc làm nhằm mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực tham gia thị trường, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

- *Quỹ tín dụng nhân dân* là tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Hợp tác xã nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Phân loại doanh nghiệp theo số lượng đơn vị cơ sở, bao gồm:

+ *Doanh nghiệp đơn cơ sở* chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp đơn cơ sở, đơn vị điều tra cũng chính là đối tượng điều tra và được xếp ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính của địa điểm SXKD duy nhất.

+ *Doanh nghiệp đa cơ sở* có từ hai đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác với văn phòng quản lý. Theo đó, văn phòng quản lý được xác định là một đơn vị cơ sở và xếp vào ngành hoạt động của trụ sở văn phòng (trừ văn phòng quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm được xếp vào cùng ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm). Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà đơn vị cơ sở sản xuất ra. Đối với doanh nghiệp đa cơ sở, đơn vị cơ sở có thể đóng trên cùng hoặc không cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý.

(2) Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập là loại hình tổ chức dịch vụ do tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp thành lập hoặc cho phép thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện chức năng cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công cho xã hội, tự bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước. Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản ngân hàng.

Hội, hiệp hội (liên đoàn, liên minh, liên hiệp hội, tổng hội, câu lạc bộ,...) là tổ chức tự nguyện của tổ chức, công dân Việt Nam cùng lĩnh vực, ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên, của cộng đồng; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp

phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc¹. Hội, hiệp hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản theo quy định của pháp luật.

Phân loại theo số lượng đơn vị cơ sở, bao gồm:

+ *Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội đơn cơ sở* chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý của đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội. Đối với đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội đơn cơ sở, đơn vị điều tra cũng chính là đối tượng điều tra và được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất.

+ *Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội đa cơ sở* có từ hai đơn vị cơ sở thực hiện từ hai hoạt động trở lên đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác.

(3) Cơ sở SXKD cá thể do một người, một nhóm người hoặc một gia đình thực hiện hoạt động SXKD (không bao gồm hộ thực hiện duy nhất một hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản) chưa đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ hợp tác. Cơ sở SXKD cá thể thỏa mãn các tiêu chí sau:

- Là nơi trực tiếp diễn ra hoạt động SXKD, cung cấp dịch vụ trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản).
- Thuộc sở hữu của một người, một nhóm người hoặc một gia đình, chưa đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ hợp tác.
- Có địa điểm xác định trên lãnh thổ Việt Nam.
- Thời gian hoạt động thường xuyên, liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ, tập quán kinh doanh (tổng thời gian hoạt động ít nhất là 03 tháng/năm hoặc doanh thu đạt từ 100 triệu đồng trở lên/năm).

Phân loại cơ sở SXKD cá thể theo số lượng cơ sở:

+ *Cơ sở SXKD cá thể đơn cơ sở* chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên địa bàn một xã.

+ *Cơ sở SXKD cá thể đa cơ sở* có từ hai đơn vị cơ sở trở lên.

Lưu ý: Cơ sở SXKD cá thể ngành xây dựng là đội/tổ/nhóm cá thể (gọi chung là đội xây dựng cá thể) do một người đứng ra làm đội trưởng (hay còn gọi là chủ/cai thầu xây dựng) được xác định theo tên và địa chỉ thường trú của chủ cơ sở (đội trưởng). Số lượng đơn vị cơ sở tính theo số lượng đội trưởng; không xác định số lượng cơ sở theo số lượng công trình mà đội trưởng đang tiến hành xây

¹ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ.

dựng (trường hợp đội trưởng xây dựng nhận nhiều công trình xây dựng tại cùng một thời điểm vẫn chỉ tính là một cơ sở).

(4) Tổ hợp tác là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác do ít nhất 02 thành viên tự nguyện thành lập, cùng góp vốn, góp sức lao động để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm; đã thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định.

(5) Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam.

Tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam là tổ chức phi lợi nhuận, quỹ xã hội, quỹ từ nhân được thành lập theo pháp luật nước ngoài; có nguồn vốn hợp pháp từ nước ngoài; hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam không vì mục đích lợi nhuận và các mục đích khác; không quyên góp tài chính, vận động tài trợ, gây quỹ từ các tổ chức, cá nhân Việt Nam².

(6) Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng

- *Cơ sở tôn giáo* là nơi thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và những cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước công nhận như: chùa, tự, viện, tịnh xá, niệm Phật đường, nhà thờ, nhà thờ họ công giáo, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo.

- *Cơ sở tín ngưỡng* là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng như đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác (phủ, am,...). Trong TĐTKT 2026, không thu thập thông tin đối với các cơ sở là từ đường, nhà thờ của dòng họ gia đình. Các cơ sở tín ngưỡng phải có người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng để chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động diễn ra tại cơ sở tín ngưỡng.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

TĐTKT 2026 thực hiện điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu.

1. Điều tra toàn bộ: Thực hiện đối với tất cả các đơn vị điều tra nhằm thu thập thông tin cơ bản về hoạt động SXKD của đơn vị.

2. Điều tra chọn mẫu: Thực hiện đối với doanh nghiệp và cơ sở SXKD có thể được chọn mẫu nhằm thu thập các thông tin phục vụ đánh giá chuyên sâu, chuyên đề. Mẫu được thiết kế bảo đảm đại diện đến cấp tỉnh theo ngành kinh tế. Số lượng, phương pháp và quy trình chọn mẫu được quy định riêng cho từng loại đơn vị điều tra.

² Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31/8/2022 của Chính phủ.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI KỲ, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm, thời kỳ số liệu

- Thời điểm số liệu: Là thông tin của chỉ tiêu thống kê hiện có tại ngày 01/01/2025, ngày 31/12/2025 hoặc tùy theo từng chỉ tiêu và đơn vị điều tra được quy định cụ thể trong phiếu điều tra.

- Thời kỳ số liệu: Là thông tin của chỉ tiêu thống kê phát sinh trong năm 2025 hoặc theo một khoảng thời gian nhất định được quy định cụ thể cho từng chỉ tiêu và trong phiếu điều tra.

2. Thời gian thu thập thông tin

a) Doanh nghiệp

- Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/8/2026.

- Các tỉnh, thành phố có số lượng từ 5.000 doanh nghiệp trở lên: Từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 30/6/2026.

- Các tỉnh, thành phố còn lại: Từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/5/2026.

- Tập đoàn, tổng công ty: Từ ngày 01/6/2026 đến hết ngày 15/7/2026.

b) Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam: Từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 30/6/2026.

c) Cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập: Từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 31/7/2026.

d) Cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Từ ngày 05/01/2026 đến hết ngày 31/3/2026.

3. Phương pháp thu thập thông tin

TĐTKT 2026 áp dụng cả 02 phương pháp thu thập thông tin trực tiếp và gián tiếp.

a) Thu thập thông tin gián tiếp

- Áp dụng đối với doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở SXKD trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam.

- Đơn vị điều tra thực hiện cung cấp thông tin vào phiếu điều tra điện tử trên trang thông tin điện tử của TĐTKT 2026 (phiếu Webform). Tài khoản truy cập phiếu Webform được cung cấp tới đơn vị điều tra trước thời điểm bắt đầu thu thập thông tin.

Riêng tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn ngành thực hiện cung cấp thông tin theo phiếu điều tra dạng Excel.

b) Thu thập thông tin trực tiếp

Áp dụng đối với các đơn vị sau:

- Cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Điều tra viên thống kê (ĐTV) đến từng đơn vị điều tra gặp người cung cấp thông tin để phỏng vấn và ghi thông tin vào phiếu điều tra điện tử (viết gọn là phiếu CAPI).

- Đơn vị điều tra do Bộ Quốc phòng quản lý, thu thập thông tin bằng phiếu điều tra giấy.

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Nội dung điều tra bao gồm các nhóm thông tin sau:

- Thông tin nhận dạng và phân loại đơn vị điều tra gồm: Thông tin định danh, ngành hoạt động SXKD, loại hình kinh tế, khu vực thể chế.

- Điều kiện SXKD của đơn vị điều tra: Thông tin về lao động, tài sản, nguồn vốn của đơn vị điều tra.

- Kết quả hoạt động SXKD của đơn vị điều tra: Thông tin về sản phẩm, doanh thu, chi phí SXKD, lợi nhuận, thuế và các khoản nộp ngân sách, tiêu dùng năng lượng và thông tin phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành.

- Ứng dụng khoa học công nghệ của đơn vị điều tra: Ứng dụng công nghệ hiện đại, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo; ứng dụng công nghệ thông tin trong SXKD; kinh tế số, thương mại điện tử.

- Thông tin chuyên đề chuyên sâu.

2. Phiếu điều tra

TĐTKT 2026 sử dụng 50 loại phiếu điều tra sau:

a) Doanh nghiệp

(1) Phiếu 1/DN-TB: Phiếu thu thập thông tin của toàn bộ các doanh nghiệp.

(2) Phiếu 1.1/DN-CN: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động công nghiệp của doanh nghiệp.

(3) Phiếu 1.2/DN-XD: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động xây dựng của doanh nghiệp.

(4) Phiếu 1.3/DN-VTKB: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động dịch vụ vận tải, kho bãi của doanh nghiệp.

(5) Phiếu 1.4/DN-LT: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động dịch vụ lưu trú của doanh nghiệp.

(6) Phiếu 1.5/DN-LH: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động dịch vụ lõi hành của doanh nghiệp.

(7) Phiếu 1.6/DN-DVGC: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động gia công hàng hóa với đối tác nước ngoài của doanh nghiệp.

(8) Phiếu 1.7/DN-FATS: Phiếu thu thập thông tin về tình hình thực hiện góp vốn điều lệ của doanh nghiệp.

(9) Phiếu 1.8/DN-TCTD: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động dịch vụ tài chính của doanh nghiệp.

(10) Phiếu 1.9/DN-BH: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động bảo hiểm của doanh nghiệp.

(11) Phiếu 1.10/DN-VĐT: Phiếu thu thập thông tin về vốn đầu tư thực hiện của doanh nghiệp.

(12) Phiếu 1.11/DN-NL: Phiếu thu thập thông tin về sản xuất kinh doanh và tiêu dùng năng lượng của doanh nghiệp.

(13) Phiếu 1.12/DN-TM: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động thương mại của doanh nghiệp.

(14) Phiếu 1.13/DN-DVK: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động dịch vụ khác của doanh nghiệp.

(15) Phiếu 1.14/DN-YT: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động y tế của doanh nghiệp.

(16) Phiếu 1.15/DN-GD: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động giáo dục của doanh nghiệp.

(17) Phiếu 1.16/DN-HTX: Phiếu thu thập thông tin về hợp tác xã.

(18) Phiếu 1.17/DN-XNKDV: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ của doanh nghiệp.

(19) Phiếu 1.18/DN-TĐ.BH.6T: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động kinh doanh bảo hiểm 6 tháng đầu năm của tập đoàn, tổng công ty.

(20) Phiếu 1.19/DN-TĐ.BH.N: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động kinh doanh bảo hiểm của tập đoàn, tổng công ty.

(21) Phiếu 1.20/DN-TĐ.BH.CN.6T: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động kinh doanh bảo hiểm 6 tháng đầu năm của chi nhánh, văn phòng đại diện của tập đoàn, tổng công ty.

(22) Phiếu 1.21/DN-TĐ.BH.CN.N: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động kinh doanh bảo hiểm của chi nhánh, văn phòng đại diện của tập đoàn, tổng công ty.

(23) Phiếu 1.22/DN-TĐ.NH.CN.6T: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động dịch vụ tài chính và hỗ trợ dịch vụ tài chính 6 tháng đầu năm của tập đoàn, tổng công ty.

(24) Phiếu 1.23/DN-TĐ.NH.CN.N: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động dịch vụ tài chính và hỗ trợ dịch vụ tài chính của tập đoàn, tổng công ty.

(25) Phiếu 1.24/DN-TĐ.NH.LS: Phiếu thu thập thông tin về lãi suất bình quân các cơ sở cấp tỉnh của tập đoàn, tổng công ty.

(26) Phiếu 1.25/DN-TĐ.NH.TĐ.HĐV: Phiếu thu thập thông tin về dư nợ tín dụng, huy động vốn của các chi nhánh, văn phòng đại diện cấp tỉnh của tập đoàn, tổng công ty.

(27) Phiếu 1.26/DN-TĐ-NH.TNCP: Phiếu thu thập thông tin về số lượng lao động, thu nhập, chi phí của các chi nhánh, văn phòng đại diện của tập đoàn, tổng công ty.

(28) Phiếu 1.27/DN-TĐ.VTBCVT.CN: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tập đoàn, tổng công ty.

(29) Phiếu 1.28/DN-TĐ.CN: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động các đơn vị thành viên của tập đoàn, tổng công ty.

(30) Phiếu 1.29/DN-TĐ.PVN.NL: Phiếu thu thập thông tin về sản xuất và tiêu dùng năng lượng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(31) Phiếu 1.30/DN-TĐ.EVN.CN: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động các đơn vị thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(32) Phiếu 1.31/DN-TĐ.EVN-NL: Phiếu thu thập thông tin về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(33) Phiếu 1.32/DN-TĐ.TKV.BC: Phiếu thu thập thông tin về báo cáo tổng hợp thực hiện các chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu của Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam.

(34) Phiếu 1.33/DN-TĐ.PVN.BC: Phiếu thu thập thông tin về báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(35) Phiếu 1.34/DN-TĐ.EVN.BC: Phiếu thu thập thông tin về báo cáo tổng hợp điện sản xuất và mua theo từng nhà máy điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

b) Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

(36) Phiếu 2/DN-NN: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam.

c) Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

(37) Phiếu 3/SN: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

d) Hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam

(38) Phiếu 4/HH: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động của các hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

d) Cơ sở SXKD trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

(39) Phiếu 5/HCSN: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

e) Cơ sở SXKD cá thể

(40) Phiếu 6/CT-BK: Phiếu thu thập thông tin lập bảng kê cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

(41) Phiếu 7/CT-TB: Phiếu thu thập thông tin đối với toàn bộ cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

(42) Phiếu 7.1/CT-CN: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động công nghiệp của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

(43) Phiếu 7.2/CT-VT: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động vận tải của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

(44) Phiếu 7.3/CT-LT: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động lưu trú của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

(45) Phiếu 7.4/CT-TM: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; các hoạt động khác của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

(46) Phiếu 7.5/CT-MAU: Phiếu thu thập thông tin đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể được chọn mẫu.

(47) Phiếu 7.6/CT-VT-MAU: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động vận tải của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể được chọn mẫu.

(48) Phiếu 7.7/CT-LT-MAU: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động lưu trú của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể được chọn mẫu.

g) Tổ hợp tác

(49) Phiếu 8/THT: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động của tổ hợp tác.

h) Tôn giáo, tín ngưỡng

(50) Phiếu 9/TG: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động của cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG TỔNG ĐIỀU TRA

1. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ, cập nhật đến thời điểm điều tra.

2. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, cập nhật khi có quyết định mới.

3. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ, cập nhật khi có quyết định mới.

4. Danh mục dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành theo Quyết định số 01/2021/QĐ-TTg ngày 05/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Phân loại thống kê theo loại hình kinh tế ban hành theo Thông tư số 07/2025/TT-BKHĐT ngày 13/02/2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

6. Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

8. Danh mục các tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo tính đến tháng 12/2025.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐẦU RA CỦA TỔNG ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý

Dữ liệu TĐTKT 2026 được xử lý theo một quy trình thống nhất, cụ thể:

a) Dữ liệu thu thập từ phiếu Webform

Dữ liệu điều tra được lưu trữ tại máy chủ của hệ thống công nghệ thông tin TĐTKT 2026 trong suốt quá trình thu thập thông tin.

- ĐTV thực hiện rà soát thông tin và yêu cầu đơn vị điều tra hoàn thiện hoặc giải thích đối với các thông tin chưa rõ ràng hoặc chưa nhất quán. ĐTV xác nhận hoàn thành phiếu và duyệt số liệu điều tra.

- Giám sát viên (GSV) các cấp thực hiện nhiệm vụ theo trình tự sau:

+ Rà soát thông tin, kiểm tra, phát hiện lỗi phiếu điều tra và yêu cầu giải trình số liệu;

+ Thông báo lỗi tới GSV cấp dưới trực tiếp đề yêu cầu ĐTV phối hợp với đơn vị điều tra xác minh, giải trình và hoàn thiện thông tin;

+ Sau khi thông tin được hoàn thiện, GSV các cấp thực hiện duyệt số liệu trong phạm vi được giao trên hệ thống công nghệ thông tin TĐTKT 2026.

b) Dữ liệu thu thập từ Excel form

Dữ liệu Excel form sau khi ĐTV thu thập, cơ quan thống kê trung ương tiến hành thực hiện rà soát thông tin, yêu cầu đơn vị điều tra hoàn thiện hoặc giải thích đối với các thông tin chưa rõ ràng hoặc chưa nhất quán. Sau đó cập nhật dữ liệu vào hệ thống và mã hoá các chỉ tiêu về danh mục hành chính, mã ngành sản phẩm,...

c) Dữ liệu thu thập từ phiếu CAPI

Sau khi hoàn thành phiếu, dữ liệu được đồng bộ từ thiết bị của ĐTV về máy chủ của hệ thống công nghệ thông tin TĐTKT 2026. GSV các cấp thực hiện nhiệm vụ theo trình tự sau:

- Rà soát thông tin, kiểm tra logic phiếu điều tra và phát hiện lỗi, đưa ra các yêu cầu giải trình số liệu;

- Thông báo lỗi và yêu cầu giải trình cho GSV cấp dưới trực tiếp đề ĐTV xác minh, giải trình và hoàn thiện thông tin;

- Sau khi thông tin được hoàn thiện, GSV các cấp thực hiện duyệt số liệu trong phạm vi được giao trên hệ thống công nghệ thông tin TĐTKT 2026.

d) Dữ liệu thu thập từ phiếu giấy

Xử lý dữ liệu thu thập bằng phiếu điều tra giấy theo quy trình như sau:

- Kiểm tra thông tin của phiếu giấy: Kiểm tra thông tin của phiếu điều tra, đưa ra các yêu cầu giải trình;

- Thông báo lỗi và yêu cầu giải trình đề ĐTV phối hợp với đơn vị điều tra xác minh, hoàn thiện thông tin;

- Nhập tin số liệu: Nhập tin thủ công hoặc dùng các công nghệ nhận dạng ký tự thông minh;

- Kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện dữ liệu;

- Thực hiện ẩn mã định danh.

đ) Kiểm tra, xử lý và tích hợp dữ liệu từ nguồn dữ liệu hành chính với dữ liệu điều tra

Công tác kiểm tra, xử lý và chuyển đổi dữ liệu báo cáo tài chính của doanh nghiệp (BCTC) tích hợp vào dữ liệu TĐTKT 2026 được thực hiện theo quy trình như sau:

- Nghiên cứu cấu trúc, nội dung các trường dữ liệu BCTC và cấu trúc dữ liệu của TĐTKT 2026 để thực hiện ánh xạ dữ liệu;
- Xây dựng các bảng danh mục, ánh xạ để chuyển đổi dữ liệu BCTC sang định dạng cơ sở dữ liệu của TĐTKT 2026;
- Xây dựng dữ liệu đặc tả của dữ liệu BCTC và dữ liệu của TĐTKT 2026; xây dựng phần mềm chuyển đổi dữ liệu từ dữ liệu BCTC vào cơ sở dữ liệu của TĐTKT 2026 phục vụ đối chiếu, so sánh và tổng hợp kết quả số liệu;
- Căn cứ các nguồn dữ liệu BCTC và dữ liệu của TĐTKT 2026 thực hiện kiểm tra, xác minh số liệu thực tế tại trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tổng hợp số liệu từ dữ liệu BCTC vào kết quả TĐTKT 2026 phục vụ biên soạn kết quả đầu ra của TĐTKT 2026;
- Tích hợp BCTC vào dữ liệu TĐTKT 2026, chuẩn hóa dữ liệu qua các bước kiểm tra logic theo không gian, thời gian và giữa các nguồn dữ liệu để phục vụ việc tính toán, tổng hợp, hiệu chỉnh và gán dữ liệu.

2. Biểu đầu ra

Kết quả của TĐTKT 2026 được tổng hợp phục vụ biên soạn các chỉ tiêu theo hệ thống biểu đầu ra được thiết kế bảo đảm tổng hợp các chỉ tiêu thống kê theo yêu cầu, mục đích điều tra.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH TỔNG ĐIỀU TRA

Kế hoạch thực hiện các nội dung chính của TĐTKT 2026 như sau:

STT	Nội dung	Thời gian	Cơ quan chủ trì
I	TỔ CHỨC NHÂN SỰ, KẾ HOẠCH NGUỒN LỰC		
1	Thành lập BCD các cấp và Tổ thường trực giúp việc BCD các cấp: trung ương, tỉnh, xã	Tháng 6 - 11/2025	BCD ³ các cấp
2	Tuyển chọn người thu thập thông tin phiếu bảng kê, ĐTV và tổ trưởng		
	- Tuyển chọn người thu thập thông tin phiếu bảng kê cơ sở SXKD cá thể	Tháng 8- 9/2025	BCD cấp xã
	- Tuyển chọn tổ trưởng, ĐTV phiếu cơ sở SXKD cá thể; phiếu tổ hợp tác; phiếu cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Tháng 10- 11/2025	BCD cấp xã

³ BCD: Ban Chỉ đạo TĐTKT 2026

STT	Nội dung	Thời gian	Cơ quan chủ trì
	- Tuyển chọn ĐTV phiếu doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, hội, hiệp hội	Tháng 01-02/2026	BCĐ cấp tỉnh
3	Tuyển chọn GSV trung ương và địa phương	Tháng 9-11/2025	BCĐ các cấp
4	Xây dựng dự toán và bảo vệ kinh phí	Tháng 5-8/2025	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)
5	Phân bổ và điều chỉnh dự toán	Tháng 12/2025-11/2027	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)
II	THU THẬP THÔNG TIN LẬP BẢNG KÊ, LẬP DANH SÁCH ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA VÀ CHỌN MẪU		
1	Cập nhật danh sách thôn, ấp bản, tổ dân phố theo đơn vị hành chính mới (bao gồm thông tin về số hộ dân cư); lập danh sách địa bàn điều tra	Tháng 8-9/2025	BCĐ cấp xã
2	Thu thập thông tin phiếu bảng kê	Tháng 10 - 11/2025	BCĐ cấp xã
3	Giám sát công tác thu thập thông tin phiếu bảng kê	Tháng 10 - 11/2025	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh, xã
4	Lập danh sách đơn vị điều tra		
	- Lập danh sách cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Tháng 11-12/2025	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh, xã
	- Lập danh sách doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở SXKD trực thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập	Tháng 01 - 3/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh, xã
5	Thiết kế mẫu và chọn mẫu điều tra		
	- Thiết kế mẫu	Tháng 8-12/2025	BCĐ trung ương
	- Chọn mẫu điều tra	Tháng 12/2025-3/2026	BCĐ cấp tỉnh
III	XÂY DỰNG TÀI LIỆU		
1	Xây dựng phương án TĐTKT 2026	Tháng 4-7/2025	Bộ Tài chính
2	Thiết kế phiếu điều tra	Tháng 4-11/2025	BCĐ trung ương
3	Xây dựng các loại tài liệu, quy trình hướng dẫn nghiệp vụ	Tháng 7-12/2025	BCĐ trung ương

STT	Nội dung	Thời gian	Cơ quan chủ trì
4	Xây dựng biểu tổng hợp kết quả sơ bộ		
	- Cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Tháng 8-10/2025	BCĐ trung ương
	- Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở SXKD trực thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam	Tháng 10 - 11/2025	BCĐ trung ương
5	Xây dựng biểu tổng hợp phục vụ báo cáo chính thức		
	- Cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Tháng 9-11/2025	BCĐ trung ương
	- Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở SXKD trực thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam	Tháng 11 - 12/2025	BCĐ trung ương
6	Xây dựng biểu tổng hợp phục vụ ấn phẩm chuyên đề		
	- Cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Tháng 11/2025	BCĐ trung ương
	- Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam	Tháng 02/2026	BCĐ trung ương
7	Xây dựng quy trình nghiệm thu	Tháng 11/2025	BCĐ trung ương
8	Xây dựng bài giảng tập huấn	Tháng 9/2025-02/2026	BCĐ trung ương
9	Xây dựng kế hoạch tổng thể tuyên truyền và truyền thông	Tháng 8-9/2025	BCĐ trung ương
10	Xây dựng nội dung tuyên truyền	Tháng 9-12/2025	BCĐ trung ương
11	Xây dựng hướng dẫn công tác thi đua	Tháng 11-12/2025	BCĐ trung ương
IV	XÂY DỰNG PHẦN MỀM ỨNG DỤNG		
1	Xây dựng các phần mềm phục vụ công tác tuyên truyền, thu thập thông tin	Tháng 8/2025-02/2026	BCĐ trung ương

STT	Nội dung	Thời gian	Cơ quan chủ trì
2	Xây dựng phần mềm xử lý và tổng hợp kết quả	Tháng 9/2025-3/2026	BCĐ trung ương
3	Xây dựng kho dữ liệu	Tháng 01-6/2027	BCĐ trung ương
4	Xây dựng các sản phẩm điện tử phục vụ phổ biến kết quả TĐTKT 2026	Tháng 01-9/2027	BCĐ trung ương
5	Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin an toàn và thông suốt trong quá trình thu thập thông tin tại địa bàn điều tra và xử lý kết quả điều tra	Tháng 10/2025-9/2027	BCĐ trung ương
V	TỔ CHỨC CÁC HỘI NGHỊ, TẬP HUẤN		
1	Tổ chức hội nghị quán triệt Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tổ chức TĐTKT 2026 và phát động phong trào thi đua	Tháng 9-10/2025	BCĐ trung ương
2	Tập huấn công tác thu thập thông tin phiếu bảng kê, lập danh sách các đơn vị điều tra cho BCĐ và GSV các cấp tại địa phương	Tháng 9-10/2025	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
3	Tập huấn nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin các phiếu điều tra	Tháng 11/2025-3/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
4	Hội nghị tổng kết TĐTKT 2026 và công bố kết quả sơ bộ cấp trung ương	Tháng 01/2027	BCĐ trung ương
5	Hội nghị tổng kết TĐTKT 2026 và công bố kết quả sơ bộ tại địa phương	Quý I/2027	BCĐ cấp tỉnh
6	Hội nghị công bố kết quả chính thức cấp trung ương	Quý III/2027	BCĐ trung ương
7	Hội nghị công bố kết quả chính thức cấp địa phương	Quý III/2027	BCĐ cấp tỉnh
8	Hội nghị công bố và giới thiệu các ấn phẩm chuyên đề	Quý IV/2027	BCĐ trung ương
VI	TUYÊN TRUYỀN VÀ CUNG CẤP TÀI LIỆU, THIẾT BỊ, PHÁT HÀNH CÁC TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN, ÁN PHẨM KẾT QUẢ		
1	Tổ chức Lễ ra quân		
	- Đối với phiếu cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Ngày 05/01/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh, xã
	- Đối với phiếu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở SXKD trực thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập	Ngày 01/4/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh, xã

STT	Nội dung	Thời gian	Cơ quan chủ trì
2	Thực hiện các đợt tuyên truyền trước, trong và sau TĐTKT 2026	Tháng 10/2025 - 12/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh, xã
3	In và phát hành các tài liệu tập huấn, các sổ tay, quy trình hướng dẫn; phát hành các tài liệu tuyên truyền	Tháng 9/2025- 3/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
4	In, phát hành sách, báo cáo, ấn phẩm phục vụ công bố và phổ biến	Tháng 01- 12/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
VII	THU THẬP THÔNG TIN		
1	Phân công, phân quyền thu thập thông tin và giám sát trên hệ thống điều hành, tác nghiệp của TĐTKT 2026		
	- Phiếu cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Tháng 12/2025	BCĐ cấp tỉnh
	- Phiếu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở SXKD trực thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam	Tháng 3- 6/2026	BCĐ cấp tỉnh
2	Thu thập thông tin TĐTKT 2026		
	- Phiếu cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Tháng 01- 3/2026	BCĐ cấp xã
	- Phiếu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở SXKD trực thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam	Tháng 4- 8/2026	BCĐ cấp tỉnh
	- Phiếu tập đoàn, tổng công ty	Tháng 6- 7/2026	BCĐ trung ương
	- Thu thập thông tin tại Bộ Quốc phòng	Tháng 4- 6/2026	Bộ Quốc phòng
3	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát	Tháng 11- 12/2025	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
4	Kiểm tra, giám sát thu thập thông tin (giám sát trực tuyến và trực tiếp)	Tháng 01- 8/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
5	Tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát; xây dựng các thông báo nghiệp vụ	Tháng 01- 8/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
VIII	KIỂM TRA, XỬ LÝ SỐ LIỆU, NGHIỆM THU PHIẾU VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ		

STT	Nội dung	Thời gian	Cơ quan chủ trì
1	Kiểm tra, làm sạch dữ liệu trước và sau khi nghiệm thu	Tháng 01-10/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh, xã
2	Kiểm tra số liệu phục vụ biên soạn ấn phẩm sơ bộ	Tháng 4-12/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
3	Kiểm tra số liệu phục vụ biên soạn ấn phẩm chính thức	Tháng 01-9/2027	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
4	Kiểm tra số liệu phục vụ biên soạn ấn phẩm phân tích chuyên đề	Tháng 6-12/2027	BCĐ trung ương
5	Tổng hợp, tích hợp dữ liệu để tạo lập cơ sở dữ liệu từ các nguồn điều tra của TĐTKT 2026	Tháng 9-12/2026	BCĐ trung ương
6	Nghiệm thu phiếu điều tra ở cấp xã	Tháng 4-5/2026	BCĐ cấp tỉnh
7	Nghiệm thu phiếu điều tra ở cấp tỉnh		
	- Phiếu cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Tháng 6-7/2026	BCĐ trung ương
	- Phiếu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam	Tháng 9-10/2026	BCĐ trung ương
8	Nghiệm thu, bàn giao phiếu điều tra của Bộ Quốc phòng	Tháng 8/2026	BCĐ trung ương
9	Tổng hợp kết quả và thống nhất các biểu kết quả đầu ra	Tháng 7-9/2027	BCĐ trung ương
X	BIÊN SOẠN CÁC BÁO CÁO		
1	Biên soạn báo cáo tổng kết thực hiện TĐTKT 2026	Tháng 8-10/2026	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
2	Tổng hợp và báo cáo công tác thi đua khen thưởng	Tháng 01-3/2027	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
3	Biên soạn báo cáo kết quả sơ bộ	Tháng 12/2026-03/2027	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
4	Biên soạn báo cáo chính thức	Tháng 3-9/2027	BCĐ các cấp: trung ương, tỉnh
5	Biên soạn các báo cáo chuyên đề	Tháng 6-12/2027	BCĐ trung ương

IX. TỔ CHỨC TỔNG ĐIỀU TRA

1. Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế năm 2026 các cấp ở địa phương

Ban Chỉ đạo trung ương hướng dẫn thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo TĐTKT 2026 các cấp tại địa phương.

Ban Chỉ đạo TĐTKT 2026 các cấp tại địa phương có trách nhiệm chỉ đạo toàn diện các nhiệm vụ TĐTKT 2026 trên địa bàn; chỉ đạo thực hiện TĐTKT 2026 theo các nội dung đã được quy định trong phương án, gồm các nhóm công việc chính sau:

- Chuẩn bị TĐTKT 2026: Chỉ đạo và thực hiện cập nhật danh sách thôn, ấp bản, tổ dân phố theo đơn vị hành chính mới (bao gồm thông tin về số hộ dân cư), lập danh sách địa bàn điều tra, thu thập thông tin bảng kê, hoàn thiện danh sách các đơn vị điều tra, thực hiện chọn mẫu, tổ chức các hội nghị tập huấn nghiệp vụ, thực hiện công tác tuyên truyền và tuyển chọn lực lượng tham gia TĐTKT 2026;
- Thu thập thông tin; kiểm tra, giám sát trong quá trình tập huấn và thu thập thông tin tại thực địa;
- Xử lý và nghiệm thu kết quả TĐTKT 2026;
- Xây dựng các báo cáo TĐTKT 2026 và tổ chức các hội nghị tổng kết, công bố kết quả TĐTKT 2026.

Ban Chỉ đạo TĐTKT 2026 các cấp tại địa phương thành lập Tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo cùng cấp để giúp việc thực hiện các nhiệm vụ của TĐTKT 2026 tại địa phương.

Tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo TĐTKT 2026 các cấp tại địa phương có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động của Ban Chỉ đạo; chuẩn bị nội dung các cuộc họp, hội nghị; quản lý, thực hiện công tác tổ chức TĐTKT 2026 theo đúng quy định của phương án, trong đó tuyên truyền tới các đơn vị điều tra và người dân về TĐTKT 2026, điều tra thu thập thông tin, xử lý thông tin và thực hiện công tác tài chính, hậu cần cho cuộc TĐTKT 2026.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế năm 2026 tại Bộ Quốc phòng

Bộ Quốc phòng thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ thường trực để chỉ đạo, triển khai điều tra riêng theo sự chỉ đạo ngành dọc từ trung ương đến địa phương của Bộ Quốc phòng bảo đảm thống nhất với nội dung phương án TĐTKT 2026.

Tổ thường trực là bộ phận thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo để tổ chức triển khai TĐTKT 2026.

3. Lập danh sách đơn vị điều tra

a) Doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

Tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo trung ương xây dựng danh sách đơn vị điều tra từ các nguồn dữ liệu hành chính (Thuế, Kho bạc, Đăng ký kinh doanh), Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam,... Ban Chỉ đạo các cấp tại địa phương thực hiện rà soát, cập nhật đơn vị điều tra theo thực tế tại địa phương.

b) Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện lập danh sách các đơn vị điều tra theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo trung ương.

c) Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

Ban Chỉ đạo các cấp tại địa phương căn cứ vào hướng dẫn và tình hình thực tế để phân công lập danh sách các cơ sở SXKD cá thể của các địa bàn điều tra theo quy trình nghiệp vụ được hướng dẫn.

d) Tổ hợp tác

Căn cứ vào danh sách tổ hợp tác có đăng ký kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh tại địa phương quản lý, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo rà soát, cập nhật tổ hợp tác hiện đang hoạt động tại địa phương để lập danh sách tổ hợp tác phục vụ công tác thu thập thông tin.

đ) Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng

Ban Chỉ đạo các cấp thực hiện rà soát, cập nhật thông tin định danh về các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng do ủy ban nhân dân (UBND) các cấp quản lý, theo dõi căn cứ trên danh sách cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng do Ban Chỉ đạo trung ương cung cấp.

4. Tuyển chọn lực lượng tham gia Tổng điều tra kinh tế năm 2026

4.1. Tuyển chọn người thu thập thông tin phiếu bảng kê

Người thu thập thông tin phiếu bảng kê cần am hiểu về địa bàn tại địa phương (thôn, ấp, bản, tổ dân phố); ưu tiên trưởng thôn/tổ trưởng dân phố hoặc những người sinh sống tại địa phương. Trung bình tại mỗi phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh mỗi người thực hiện thu thập thông tin phiếu bảng kê của 01 địa bàn điều tra; tại các khu vực còn lại: mỗi người thu thập thông tin phiếu bảng kê của 02 địa bàn điều tra. Ban Chỉ đạo cấp xã thực hiện tuyển chọn người thực hiện thu thập thông tin phiếu bảng kê.

Trường hợp cần thiết, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh quyết định tuyển chọn/hướng dẫn tuyển chọn người thu thập thông tin phiếu bảng kê phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, theo dự toán được giao và các quy định tài chính hiện hành.

4.2. Tuyển chọn điều tra viên thống kê và tổ trưởng

a) Yêu cầu, nhiệm vụ của điều tra viên thống kê và tổ trưởng

ĐTV là lực lượng trực tiếp thực hiện thu thập thông tin và hướng dẫn đơn vị cung cấp thông tin. Vì vậy, yêu cầu ĐTV là người có đủ khả năng thực hiện công việc, có tinh thần trách nhiệm cao, sử dụng thành thạo máy tính bảng, điện thoại thông minh và máy tính để thực hiện phiếu điện tử trong TĐTKT 2026.

Tổ trưởng là lực lượng trực tiếp quản lý công việc của ĐTV. Tuyển chọn tổ trưởng cần tuyển chọn những người có am hiểu về công tác thống kê, có khả năng tổ chức làm việc nhóm và cam kết dành đủ thời gian để quản lý ĐTV trong thời gian thu thập thông tin tại địa bàn, ưu tiên tuyển chọn tổ trưởng là thành viên Ban Chỉ đạo hoặc công chức phụ trách công tác thống kê cấp xã.

ĐTV và tổ trưởng có các nhiệm vụ sau:

- Đối với phiếu doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam:

- + ĐTV cần tham dự đầy đủ và nghiêm túc lớp tập huấn nghiệp vụ;

- + Liên hệ trực tiếp với đơn vị được phân công thu thập thông tin để cung cấp tài khoản (tên đăng nhập, mật khẩu) và hướng dẫn người cung cấp thông tin truy cập vào Trang thông tin điện tử TĐTKT 2026 để khai thông tin theo phiếu hỏi điện tử;

- + Hướng dẫn quy trình kê khai và giải đáp thắc mắc cho người cung cấp thông tin theo yêu cầu của phương án TĐTKT 2026;

- + Kiểm soát tiến độ, đôn đốc, nhắc nhở, hỗ trợ đơn vị điều tra trả lời chính xác và đầy đủ các chỉ tiêu trong bảng hỏi phù hợp với ngành nghề SXKD thực tế của đơn vị; liên hệ lại để xác minh và đề nghị đơn vị hoàn thiện, cập nhật lại thông tin phiếu điều tra (khi cần);

- + Báo cáo cho GSV hoặc Tổ thường trực cấp tỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thu thập thông tin nằm ngoài quy định của phương án TĐTKT 2026;

- Đối với phiếu cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; cơ sở SXKD trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập:

- + ĐTV cần tham dự đầy đủ và nghiêm túc lớp tập huấn nghiệp vụ;

- + Trực tiếp đến các đơn vị điều tra được phân công để phỏng vấn thu thập thông tin của cơ sở theo đúng yêu cầu;

+ Thực hiện đầy đủ các quy định trong quy trình thu thập thông tin và hoàn thành các phiếu điều tra.

- Tổ trưởng có nhiệm vụ phối hợp với trưởng thôn/tổ trưởng dân phố, Hội Nông dân, Mặt trận tổ quốc, Hội Phụ nữ, lực lượng công an khu vực, ... để tuyên truyền, giải thích mục đích, ý nghĩa, kế hoạch tiến hành cuộc Tổng điều tra; quản lý, điều hành, giám sát các ĐTV tại các địa bàn điều tra được giao phụ trách; báo cáo tình hình thực hiện Tổng điều tra tới Ban Chỉ đạo cấp xã theo quy định và thực hiện đôn đốc tiến độ thu thập thông tin theo đúng kế hoạch. Tổ trưởng quản lý việc thực hiện điều tra đối với các phiếu giao Ban Chỉ đạo cấp xã thực hiện.

b) Số lượng điều tra viên thống kê và tổ trưởng

- ĐTV: Căn cứ vào số lượng địa bàn và đơn vị điều tra đã được lập bảng kê, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo tuyển chọn ĐTV hoặc hướng dẫn Ban Chỉ đạo cấp xã tuyển chọn ĐTV phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và định mức kinh phí được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Ưu tiên chọn ĐTV phiếu cơ sở SXKD cá thể thực hiện thu thập thông tin phiếu cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng và phiếu tổ hợp tác.

Để bảo đảm tính chủ động và tiến độ TĐTKT 2026, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo tuyển chọn và tập huấn dự phòng 3% số lượng ĐTV chính thức.

- Tổ trưởng: Trung bình mỗi tổ trưởng quản lý khoảng 15 ĐTV. Xã có dưới 15 ĐTV tuyển chọn 01 tổ trưởng. Trường hợp cần thiết, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh quyết định tuyển chọn/hướng dẫn tuyển chọn tổ trưởng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, theo dự toán được giao và các quy định tài chính hiện hành.

4.3. Tuyển chọn giám sát viên

TĐTKT 2026 gồm GSV cấp trung ương, GSV cấp tỉnh và GSV cấp cơ sở với nhiệm vụ giám sát hoạt động của mạng lưới ĐTV, giám sát và hỗ trợ chuyên môn cho Ban Chỉ đạo cấp dưới; thực hiện kiểm tra, duyệt dữ liệu của ĐTV hoặc GSV cấp dưới.

Ban Chỉ đạo trung ương tuyển chọn GSV cấp trung ương, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tuyển chọn và phân công nhiệm vụ cho GSV cấp tỉnh và GSV cấp cơ sở.

5. Hoạt động tuyên truyền

Hoạt động tuyên truyền nhằm làm rõ mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung và kế hoạch thực hiện TĐTKT 2026 đến các cấp, các ngành, các đơn vị điều tra và toàn thể nhân dân.

Ban Chỉ đạo các cấp phối hợp với các bộ, ngành và các đơn vị tại địa phương (phát thanh, truyền hình, bưu điện,...) huy động tối đa các hình thức tuyên truyền như: Các phương tiện thông tin đại chúng (đài phát thanh, truyền hình, loa truyền thanh, báo viết, báo điện tử, bản tin); cổ động (áp phích, khẩu

hiệu, lô gô,...); tổ chức họp phổ biến ở cộng đồng (họp thôn, ấp, bản, các đoàn thể quần chúng,...) bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền trong TĐTKT 2026, vận động nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp,... tích cực hưởng ứng cuộc TĐTKT 2026.

Trong quá trình triển khai, căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương để huy động các nguồn lực hỗ trợ cho TĐTKT 2026 và khuyến khích, động viên các tầng lớp nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp,... thực hiện tốt nghĩa vụ cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác.

Ban Chỉ đạo trung ương chuẩn bị và cung cấp tài liệu phục vụ tuyên truyền tới Ban Chỉ đạo các cấp để thực hiện tuyên truyền tại địa phương.

6. Bảo đảm hệ thống thông tin liên lạc thông suốt giữa các cấp phục vụ công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ

Ban Chỉ đạo trung ương lập kế hoạch bảo đảm hệ thống thông tin liên lạc thông suốt giữa các cấp để phục vụ công tác chỉ đạo TĐTKT 2026, trong đó đặc biệt chú ý những vùng núi cao, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, những nơi có nhiều khó khăn về điều kiện thông tin liên lạc.

Ban Chỉ đạo trung ương thiết lập đường dây nóng phục vụ công tác chỉ đạo TĐTKT 2026 nhằm giải đáp thắc mắc cho những người tham gia thực hiện điều tra tại các cấp; tiếp nhận, xử lý phản ánh của nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp,... về TĐTKT 2026 tại mỗi địa phương.

7. Công tác tập huấn

a) Cấp trung ương

Ban Chỉ đạo trung ương tổ chức các hội nghị triển khai phương án, tập huấn nghiệp vụ và công nghệ thông tin cho GSV trung ương, Ban Chỉ đạo, Tổ thường trực và giảng viên cấp tỉnh.

- Hội nghị triển khai phương án TĐTKT 2026 và tập huấn công tác thu thập thông tin phiếu bảng kê. Thời gian: 01 ngày.

- Hội nghị tập huấn nghiệp vụ toàn bộ các loại phiếu điều tra và Hội nghị tập huấn công nghệ thông tin phiếu cơ sở SXKD cá thể; phiếu cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; phiếu tổ hợp tác. Thời gian: 04 ngày.

- Hội nghị tập huấn công nghệ thông tin phiếu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam. Thời gian: 01 ngày.

b) Cấp tỉnh

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức các hội nghị tập huấn giảng viên cấp tỉnh, GSV cấp tỉnh và GSV cấp cơ sở; Ban Chỉ đạo cấp xã, người thu thập thông tin lập bảng kê, ĐTV theo xã hoặc cụm xã. Cụ thể như sau:

- Hội nghị triển khai phương án điều tra, tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm cho Tổ thường trực, giảng viên và GSV cấp tỉnh:

+ Hội nghị triển khai phương án TĐTKT 2026 và hướng dẫn nghiệp vụ phiếu thu thập thông tin lập bảng kê cơ sở SXKD cá thể. Thời gian: 01 ngày;

+ Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và phần mềm phiếu cơ sở SXKD cá thể; tổ hợp tác; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Thời gian 02 ngày;

+ Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm phiếu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở SXKD trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam. Thời gian: 02 ngày.

- Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm cho ĐTV, tổ trưởng và đại diện Ban Chỉ đạo cấp xã (đối với các loại phiếu giao Ban Chỉ đạo cấp xã chủ trì thực hiện thu thập thông tin) và GSV cấp cơ sở, gồm:

+ Hội nghị triển khai phương án TĐTKT 2026 và hướng dẫn nghiệp vụ phiếu thu thập thông tin lập bảng kê cơ sở SXKD cá thể. Thời gian: 01 ngày;

+ Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và phần mềm phiếu cơ sở SXKD cá thể. Thời gian: 02 ngày;

+ Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và phần mềm phiếu tổ hợp tác. Thời gian: 0,5 ngày;

+ Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và phần mềm phiếu cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Thời gian: 0,5 ngày;

+ Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm phiếu đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam. Thời gian: 01 ngày;

+ Hội nghị tập huấn phiếu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp; cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Thời gian: 02 ngày.

Trong trường hợp cần thiết, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh quyết định mời thêm thành phần tập huấn trong phạm vi dự toán được giao, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và các quy định tài chính hiện hành.

8. Triển khai thu thập thông tin

a) Phân công và phân quyền cho lực lượng điều tra thực hiện nhiệm vụ

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo phân công nhiệm vụ và phân quyền cho các lực lượng tham gia TĐTKT 2026 thực hiện các nhiệm vụ trên hệ thống điều hành tác nghiệp của TĐTKT 2026.

b) Thông báo các đơn vị điều tra thực hiện cung cấp thông tin

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp xã chỉ đạo ĐTV liên lạc với các đơn vị điều tra cung cấp thông tin trực tuyến trên hệ thống TĐTKT 2026 theo đúng quy định và hướng dẫn.

c) Điều tra thu thập thông tin

- Thu thập thông tin gián tiếp (phiếu Webform)
- + ĐTV liên hệ và cung cấp tài khoản cho đơn vị điều tra;
- + Đơn vị điều tra đăng nhập vào hệ thống và thực hiện cung cấp thông tin theo hướng dẫn của ĐTV.
- + Sau khi đơn vị hoàn thành cung cấp thông tin, ĐTV có trách nhiệm kiểm tra sản phẩm/dịch vụ (theo mã ngành sản phẩm VCPA 2018) do đơn vị, các chi nhánh của đơn vị đã kê khai, đề nghị đơn vị xác minh, hoàn thiện phiếu điều tra (nếu cần) và thực hiện xác nhận hoàn thành bảng hỏi điện tử trên hệ thống.
- Thu thập thông tin qua phỏng vấn trực tiếp
- + Trước khi đến cơ sở, ĐTV cùng GSV kiểm tra lại thiết bị di động và thông tin định danh của từng đơn vị điều tra được phân công; thông báo trước với cơ sở về kế hoạch dự kiến đến thu thập thông tin tại cơ sở nhất là cơ sở được chọn điều tra phiếu mẫu; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng để chủ cơ sở sắp xếp thời gian cung cấp thông tin;
- + Đối với những cơ sở điều tra đầu tiên, ĐTV đi cùng cán bộ thôn, ấp bản, tổ dân phố, GSV để cùng phỏng vấn chủ cơ sở, đồng thời xem xét các thông tin chủ cơ sở cung cấp có sát với thực tế hay không, từ đó rút kinh nghiệm phương pháp phỏng vấn đối với các cơ sở tiếp theo.
- + Trong quá trình thu thập thông tin, nếu chủ cơ sở chưa rõ câu hỏi, ĐTV cần giải thích thêm các thông tin như đã được hướng dẫn. ĐTV chỉ ghi vào phiếu những thông tin trung thực và đã được kiểm tra, nhất là các thông tin về doanh thu, sản lượng SXKD. ĐTV tuyệt đối không được tự ý ghi chép vào phiếu những thông tin sai sự thật dưới mọi hình thức.

9. Công tác giám sát, kiểm tra

Nhằm bảo đảm chất lượng của TĐTKT 2026, Ban Chỉ đạo các cấp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc giám sát, kiểm tra trong suốt thời gian tập huấn, thu thập thông tin.

Lực lượng giám sát, kiểm tra ở trung ương gồm thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ thường trực trung ương, các GSV trung ương. Lực lượng giám sát, kiểm tra ở địa phương bao gồm thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ thường trực, GSV cấp tỉnh và GSV cấp cơ sở.

Nội dung giám sát, kiểm tra gồm: Giám sát, kiểm tra việc tổ chức các lớp tập huấn, công tác thu thập thông tin lập bảng kê đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng phiếu điều tra, giám sát việc cung cấp thông tin của đơn vị điều tra, giám sát việc thu thập thông tin của ĐTV.

Hình thức giám sát, kiểm tra: Kiểm tra chéo, cấp trên giám sát, kiểm tra cấp dưới, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất, kiểm tra trọng điểm, tổng kiểm tra trước khi nghiệm thu. Ban Chỉ đạo cấp trên kiểm tra điển hình việc tổ chức và thực hiện điều tra đối với cấp dưới để phát hiện và giải quyết tại chỗ, kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình điều tra.

10. Nghiệm thu

a) Tổ chức nghiệm thu ở các cấp

Ban Chỉ đạo cấp xã nghiệm thu các phiếu được giao chủ trì thực hiện đối với ĐTV.

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh nghiệm thu trực tiếp với ĐTV và với Ban Chỉ đạo cấp xã (đối với các phiếu giao Ban Chỉ đạo cấp xã chủ trì thực hiện).

Ban Chỉ đạo trung ương nghiệm thu kết quả TĐTKT 2026 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng.

b) Nội dung nghiệm thu

Nội dung nghiệm thu được thực hiện đối với từng loại phiếu điều tra, số lượng phiếu điều tra, mức độ đầy đủ các chỉ tiêu và chất lượng số liệu của phiếu điều tra. Các thành phần tham gia nghiệm thu cùng lập và ký biên bản nghiệm thu và chịu trách nhiệm về kết quả đã nghiệm thu.

11. Công bố kết quả

Trường ban Ban Chỉ đạo trung ương công bố kết quả TĐTKT 2026 theo thời gian quy định tại Phương án.

Trường ban Ban Chỉ đạo các cấp tại địa phương công bố kết quả TĐTKT 2026 của địa phương sau khi Ban Chỉ đạo trung ương công bố kết quả TĐTKT 2026 theo thời gian quy định tại Phương án TĐTKT 2026.

12. Một số nội dung liên quan khác

a) Phát động phong trào thi đua

Ban Chỉ đạo trung ương phát động phong trào thi đua và tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá phong trào thi đua; hướng dẫn Ban Chỉ đạo cấp tỉnh thực hiện tại địa phương. Ban Chỉ đạo trung ương xây dựng các tiêu chuẩn, khung đánh giá chấm điểm thi đua và thông báo tới các Ban Chỉ đạo các cấp tại địa phương để thống nhất thực hiện.

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh phát động phong trào thi đua và tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá phong trào thi đua tại địa phương.

b) Tổng kết, khen thưởng, kỷ luật

(1) Tổng kết

Việc tổng kết, rút kinh nghiệm tổ chức thực hiện TĐTKT 2026 được tiến hành ở hai cấp: Trung ương, tỉnh.

- Ở cấp trung ương: Ban Chỉ đạo trung ương tổ chức hội nghị toàn quốc tổng kết TĐTKT 2026. Thành phần tham dự gồm: Ban Chỉ đạo và Tổ thường trực trung ương; đại diện Ban Chỉ đạo, Tổ thường trực cấp tỉnh; đại diện các tập thể và cá nhân được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính; các thành phần khác có liên quan đến thực hiện và tuyên truyền TĐTKT 2026.

- Ở cấp tỉnh: Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết trên địa bàn tỉnh, thành phố. Thành phần tham dự gồm: Ban Chỉ đạo và Tổ thường trực cấp tỉnh; GSV cấp tỉnh, GSV cấp cơ sở; đại diện Ban Chỉ đạo cấp xã; đại diện các tập thể và cá nhân được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Giấy khen của Cục trưởng Cục Thống kê và Giấy khen của Trưởng Thống kê cấp tỉnh; các thành phần khác có liên quan đến thực hiện và tuyên truyền TĐTKT 2026.

(2) Khen thưởng

Những tập thể, cá nhân có thành tích tốt trong tham gia thực hiện TĐTKT 2026 sẽ được xét tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Giấy khen của Cục trưởng Cục Thống kê, Giấy khen của Trưởng Thống kê cấp tỉnh.

(3) Kỷ luật

Những tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật thống kê trong tham gia thực hiện TĐTKT 2026 sẽ bị kỷ luật theo quy định. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO TỔNG ĐIỀU TRA

Kinh phí TĐTKT 2026 do Ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Ban Chỉ đạo trung ương giao Bộ Tài chính (Cục Thống kê) xây dựng, phê duyệt, phân bổ, điều chỉnh dự toán TĐTKT 2026; hướng dẫn Ban Chỉ đạo các cấp quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cụ thể cho các hoạt động của TĐTKT 2026 theo nguyên tắc tập trung, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của từng đơn vị; thực hiện chi trả đúng định mức, đúng đối tượng, bảo đảm chất lượng, khối lượng công việc được giao và chấp hành đúng các quy định về chế độ tài chính hiện hành./.

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY VÀ DOANH NGHIỆP
CÓ HOẠT ĐỘNG HẠCH TOÁN TOÀN NGÀNH

1. Công ty Bảo hiểm nhân thọ Manulife;
2. Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex;
3. Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông;
4. Công ty cổ phần FPT;
5. Công ty cổ phần Hàng không Vietjet;
6. Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam);
7. Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam;
8. Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam;
9. Ngân hàng Chính sách xã hội;
10. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam;
11. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;
12. Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
13. Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam;
14. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số;
15. Ngân hàng TMCP Á Châu;
16. Ngân hàng TMCP An Bình;
17. Ngân hàng TMCP Bắc Á;
18. Ngân hàng TMCP Bản Việt;
19. Ngân hàng TMCP Bảo Việt;
20. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
21. Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam;
22. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
23. Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
24. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam;
25. Ngân hàng TMCP Kiên Long;
26. Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam;
27. Ngân hàng TMCP Nam Á;
28. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
29. Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố HCM;
30. Ngân hàng TMCP Phương Đông;
31. Ngân hàng TMCP Quân đội;
32. Ngân hàng TMCP Quốc dân;

33. Ngân hàng TMCP Quốc Tế;
34. Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
35. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương;
36. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín;
37. Ngân hàng TMCP Sài Gòn;
38. Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển;
39. Ngân hàng TMCP Tiên Phong;
40. Ngân hàng TMCP Việt Á;
41. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng;
42. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
43. Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam;
44. Ngân hàng TNHH MTV Dầu khí toàn cầu;
45. Ngân hàng TNHH MTV số Vikki;
46. Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại;
47. Tập đoàn Bảo Việt;
48. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;
49. Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam.
50. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel);
51. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
52. Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
53. Tổng công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam;
54. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
55. Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;
56. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;
57. Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
58. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội;
59. Tổng công ty cổ phần Bảo Minh;
60. Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel;
61. Tổng công ty Dịch vụ viễn thông (VNPT Vinaphone);
62. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
63. Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
64. Tổng công ty Viễn thông Mobiphone.